

Bản án số: 88/2017/DS- ST
Ngày 14/11/2017
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
Vay tài sản ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Trần Thanh Phong**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Đông

Ông Lê Văn Nhân

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày **14** tháng **11** năm **2017** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 194/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2017/QĐST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2017 giữa:

*** Nguyên đơn:**

Phan Thị Mạnh U, sinh năm 1976 (có mặt)

Trú tại: Ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

*** Bị đơn:**

Trần Thị Hằng N, sinh năm 1979 (có mặt)

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Phan Văn G, sinh năm 1974 (có mặt)

Cùng trú tại: Ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị Mạnh U trình bày:

Vào ngày 03/12/2016 chị có cho chị Trần Thị Hằng N vay số tiền 66.000.000 đồng, lãi suất các bên thỏa thuận cứ một triệu đồng mỗi tháng phía chị N phải đóng 50.0000 đồng, phía N cam kết đến ngày 03/4/2017 trả tất vốn, mục đích N vay tiền là để chăn nuôi heo và trang trải kinh tế trong gia đình. Do phía N không đóng lãi, trả

vốn như cam kết, nên nay yêu cầu vợ chồng N và G liên đới trả số tiền 66.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản hòa giải, và tại phiên tòa bị đơn chị Trần Thị Hằng N trình bày: Thừa nhận có vay của chị Mạnh U số tiền 66.000.000 đồng như U trình bày, mục đích vay là để trả nợ cho người khác, việc vay tiền của U chồng chị là anh G không biết. Nay đồng ý cùng chồng trả cho U số tiền 660.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn G trình bày: Việc giao dịch vay tiền giữa N vợ anh và U anh hoàn toàn không biết, nhưng do vợ chồng, nên anh cũng đồng ý cùng vợ liên đới trả cho U số tiền 66.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

*** Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

[1] Về quyền khởi kiện: Giao dịch vay tài sản giữa chị U và chị N được hai bên thừa nhận có thật, chị U cho rằng phía chị N vi phạm cam kết về thời gian trả nợ nên khởi kiện. Căn cứ khoản 2 điều 68, điều 186 thì chị U có quyền khởi kiện.

[2] Về thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Quá trình giao dịch các bên thỏa thuận ngày 03/4/2017 phía chị N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng chị N vẫn không thực hiện, nên quyền lợi của chị U bị xâm phạm kể từ sau ngày 03/4/2017, đến ngày 19/10/2017 thì chị U khởi kiện. Căn cứ điều 429 Bộ luật dân sự thời hiệu khởi kiện trong vụ án vẫn còn. Đối với yêu cầu của chị U là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã An Định, huyện Mô Cày N. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Nam thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

*** Về nội dung giải quyết vụ án:**

[1] Giao dịch vay tiền giữa các bên chị U và chị N được hai bên thừa nhận là chị N có vay của chị U với số tiền 66.000.000 đồng. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh. Phía chị N xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng nhưng không được phía chị U chấp nhận, nên chị N phải có nghĩa vụ đối với toàn bộ số tiền 66.000.000 đồng mà chị U yêu cầu.

[2] Đối với trách nhiệm liên đới của chị N và anh G: Mặc dù giao dịch các bên chị U và chị N xác lập ban đầu không có sự tham gia của anh G, nhưng theo lời trình bày của chị N mục đích chị vay tiền để trả nợ cho người khác và tại phiên tòa anh G cũng đồng ý cùng chị N liên đới trả cho U, nên buộc anh G cùng chị N liên đới trả số tiền trên cho chị U là phù hợp.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên chị N, anh G phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 429, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 2 điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Mạnh U. Buộc chị Trần Thị Hằng N, anh Phan Văn G liên đới trả cho chị Phan Thị Mạnh U số tiền vay 66.000.000 (sáu mươi sáu triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Trần Thị Hằng N, anh Phan Văn G phải liên đới chịu là 3.300.000 (ba triệu ba trăm ngàn) đồng. Hoàn trả cho chị Phan Thị Mạnh U số tiền tạm ứng án phí 1.650.000 (một triệu sáu trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu số 0011744 ngày 19/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mô Cày Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam (1b);
- Những người tham gia tố tụng (3b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thanh Phong

